

ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ 1
ĐỀ 3

TOÁN

Thầy giáo: Nguyễn Quốc Tùng

6

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
MÔN : TOÁN LỚP 6
ĐỀ 3

Chọn đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1: Cho tập hợp $M = \{ x \in \mathbb{N}^* \mid x < 5 \}$. Chọn cách viết đúng khác của tập hợp M trong các cách sau:

A. $M = \{ 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 \}$

B. $M = \{ 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 \}$

C. $M = \{ 1 ; 2 ; 3 ; 4 \}$

D. $M = [1 ; 2 ; 3 ; 4]$

Câu 2: Kết quả của phép tính $5^{2021} : 5^{2020} . 5^2$ viết dưới dạng một lũy thừa là:

A. 5

B. 5^2

C. 5^3

D. 5^4

Câu 3: Cho tập hợp E gồm các chữ cái trong từ “ TOÁN HỌC “. Cách viết nào đúng?

A. $E = \{ T ; A ; N ; H ; O ; C \}$

B. $E = [T ; O ; A ; N ; H ; C]$

C. $E = (T ; O ; A ; N ; H ; C)$

D. $E = \{ T ; O ; A ; N ; H ; O ; C \}$

Câu 4: Tính giá trị của biểu thức H, biết $H = 60 : [7.(11^2 - 20.6) + 5]$

A. $H = 12$

B. $H = 600$

C. $H = 720$

D. $H = 5$

Câu 5: Kết quả đúng của phép tính $2025 - \left[(2021 + 1)^0 + 3 \right]$ là:

A. 2021

B. 0

C. 2020

D. 2022

Câu 6: Tìm x biết $2021 - 5(x + 4) = 1^{2022}$

A. $x = 0$

B. $x = 400$

C. $x = 1$

D. $x = 408$

Câu 7: Điền chữ số vào dấu * để $\overline{2021*}$ chia hết cho cả 2 và 5

A. $* = 10$

B. $* = 0$

C. $* = 2$

D. $* = 5$

Câu 8: Số nguyên tố có một chữ số là:

A. 3; 5; 7; 9

B. 1; 2; 3; 5

C. 2; 3; 4; 5

D. 2; 3; 5; 7

Câu 9: Tìm số tự nhiên x, biết : $x \in U(30)$ và $3 < x < 6$

A. 4

B. 5

C. 6

D. 10

Câu 10: Tìm số tự nhiên x, biết : $(x^2 - 10) : 5 = 3$

A. $x = 10$

B. $x = 25$

C. $x = 5$

D. $x = 20$

Câu 11: Năm nay Khôi 12 tuổi, còn bà ngoại Khôi 60 tuổi. Hỏi số tuổi của bà ngoại Khôi gấp mấy lần số tuổi của Khôi ?

A. 5 lần

B. 4 lần

C. 3 lần

D. 6 lần

Câu 12: Bố Linh mang 200 000 đồng vào siêu thị. Bố Linh đã mua 5 gói mì, 2kg cam và 2 hộp sữa. Giá mỗi gói mì là 6 500 đồng, mỗi ki-lo-gam cam là 38 000 đồng và mỗi hộp sữa là 31 000 đồng. Hỏi bố Linh còn lại bao nhiêu tiền ?

A. 26 500 đồng

B. 27 500 đồng

C. 28 500 đồng

D. 29 500 đồng

Câu 13: Tính diện tích của hình thang có độ dài hai đáy là 9 cm và 5 cm, chiều cao là 4 cm.

Tài liệu toán lớp 6

A. 56 cm **B.** 28 cm² **C.** 28 cm **D.** 56 cm²

Câu 14: Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 50 m và 60 m thì có diện tích là :

A.300 m² **B.** 3 000 m² **C.**1 500 m² **D.** 150 m²

Câu 15: Hãy đọc bảng thống kê xếp loại học lực của học sinh lớp 6A và cho biết lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh ?

Xếp loại học lực	Đạt	Giỏi	Xuất sắc
Số học sinh	13	11	6

A.13 **B.** 11 **C.**6 **D.** 30

Câu 16: Một lục giác đều có chu vi là 12 cm. Độ dài mỗi cạnh của hình lục giác đều ấy là:

A.6 cm **B.**4 cm **C.**2 cm **D.** 1 cm

Câu 17: Tìm thông tin không hợp lý của bảng dữ liệu sau đây:

Số học sinh biết chơi các môn thể thao trong lớp 6A (tổng số 40 học sinh) như sau

Môn thể thao	Bóng rổ	Bóng đá	Bơi lội	Bóng chuyền	Cầu lông
Số học sinh	4	10	20	5	50

A.4 và 5 **B.**20 **C.**10 **D.** 50

Câu 18: Một khu vườn hình chữ nhật có diện tích là 1000 m², chiều dài là 40 m thì chu vi của khu vườn đó là:

A.25 m **B.**65 m **C.**130 m **D.** 130 m²

Câu 19: Có 20 người cần đi thang máy lên tầng 5. Nhưng thang máy chỉ chứa được 8 người mỗi lượt. Hỏi nhóm người đó cần đi ít nhất mấy lượt ?

A.3 lượt **B.**20 lượt **C.**5 lượt **D.** 8 lượt

Câu 20: Kết quả phân tích ra thừa số nguyên tố của số 360 là :

A. 2².3².5 **B.** 2³.3².5 **C.** 2².3.5 **D.** 2³.3.5²

[illegible]

Tài liệu toán lớp 6
